

# Công ty Cổ phần Miza

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Miza

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

# Công ty Cổ phần Miza

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Miza ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 được cấp ngày 19 tháng 12 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh giấy sóng (Medium), giấy mặt (Testliner), bột giấy, giấy và bìa và các hoạt động khác được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch
Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên
Ông Đinh Tiến Ngự	Thành viên
Ông Hoàng Tự Lập	Thành viên
Ông Đinh Tấn Hưng	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Hiệp	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2023
Ông Đinh Tiến Ngự	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2023
Bà Hoàng Thị Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2023
Ông Vũ Anh Trà	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đình Hải	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Thảo	Thành viên

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Nguyễn Tuấn Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Miza

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Miza ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng Theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 26 tháng 4 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Tuấn Minh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2024

Số tham chiếu: 12078222/67457516

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Miza**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Miza ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 4 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội**



Lê Đức Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Đào Văn Thích  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2024

10  
UN  
TN  
T  
ỆT  
N  
HÀ  
T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>549.521.639.020</b>	<b>482.252.139.694</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>115.408.943.768</b>	<b>64.739.222.378</b>
111	1. Tiền		7.708.943.768	30.704.942.926
112	2. Các khoản tương đương tiền		107.700.000.000	34.034.279.452
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>41.600.000.000</b>	<b>24.100.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	41.600.000.000	24.100.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>231.127.079.433</b>	<b>192.171.016.984</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	170.821.096.209	181.515.311.658
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	19.036.452.810	623.239.850
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	41.269.530.414	10.032.465.476
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>158.311.935.164</b>	<b>195.245.507.728</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	158.311.935.164	195.245.507.728
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.073.680.655</b>	<b>5.996.392.604</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.073.680.655	2.631.267.101
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	-	3.365.125.503
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.116.571.951.223</b>	<b>1.153.256.566.279</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>214.555.022.021</b>	<b>241.414.764.559</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	214.352.924.365	240.695.320.125
222	Nguyên giá		413.025.157.222	409.257.015.455
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(198.672.232.857)	(168.561.695.330)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	202.097.656	719.444.434
225	Nguyên giá		2.000.000.000	2.000.000.000
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.797.902.344)	(1.280.555.566)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.346.785.835</b>	<b>1.278.564.000</b>
241	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.346.785.835	1.278.564.000
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>862.000.000.000</b>	<b>872.190.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	862.000.000.000	689.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	-	183.000.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	190.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>36.670.143.367</b>	<b>38.373.237.720</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	36.670.143.367	38.373.237.720
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.666.093.590.243</b>	<b>1.635.508.705.973</b>

Hàng  
T  
H  
V  
C  
V  
A  
Á  
I  
O  
I



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>592.430.511.023</b>	<b>602.155.147.321</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>506.420.777.196</b>	<b>473.454.556.067</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	30.729.516.315	59.889.147.506
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		400.945.529	711.461.929
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.656.838.297	4.057.551.243
314	4. Phải trả người lao động		1.833.553.192	3.042.924.128
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.698.861.070	975.010.844
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	10.362.017.140	34.273.863.647
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	456.739.045.653	370.504.596.770
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>86.009.733.827</b>	<b>128.700.591.254</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	47.345.931.666	72.912.071.536
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	38.663.802.161	55.788.519.718
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.073.663.079.220</b>	<b>1.033.353.558.652</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>1.073.663.079.220</b>	<b>1.033.348.808.652</b>
411	1. Vốn cổ phần		999.199.000.000	999.199.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		999.199.000.000	859.199.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	140.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		32.500.000.000	32.500.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.964.079.220	1.649.808.652
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.649.808.652	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		40.314.270.568	1.649.808.652
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	<b>4.750.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		-	4.750.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.666.093.590.243</b>	<b>1.635.508.705.973</b>

  
Nguyễn Hoàng Huệ  
Người lập

  
Nguyễn Thị Thoa  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Tuấn Minh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	974.881.374.105	912.692.068.925
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(410.408.460)	(193.521.800)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	974.470.965.645	912.498.547.125
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(912.891.763.609)	(857.061.471.372)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		61.579.202.036	55.437.075.753
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	42.269.674.150	49.852.586.398
22	7. Chi phí tài chính	23	(38.525.863.465)	(27.703.024.834)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(38.424.064.493)	(27.378.359.631)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(8.900.449.933)	(9.428.755.065)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(14.824.933.905)	(15.445.259.998)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.597.628.883	52.712.622.254
31	11. Thu nhập khác		73.612.905	-
32	12. Chi phí khác		(406.775.507)	(688.153.223)
40	13. Lỗ khác		(333.162.602)	(688.153.223)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.264.466.281	52.024.469.031
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(950.195.713)	(2.174.529.868)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		40.314.270.568	49.849.939.163

Nguyễn Hoàng Huệ  
Người lập

Nguyễn Thị Thoa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Minh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>41.264.466.281</b>	<b>52.024.469.031</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và tiền thuê đất phân bổ		32.083.372.897	32.722.542.482
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(107.868.506)	22.545.524
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(42.104.227.229)	(49.772.629.316)
06	Chi phí lãi vay	23	38.424.064.493	27.378.359.631
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>69.559.807.936</b>	<b>62.375.287.352</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(3.327.356.699)	(13.076.898.745)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		36.902.072.564	(55.425.331.926)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(83.194.646.409)	48.132.915.636
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		364.107.207	(3.833.311.302)
14	Tiền lãi vay đã trả		(37.865.515.047)	(27.127.430.236)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.533.215.265)	(4.433.553.379)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.750.000)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(19.099.495.713)</b>	<b>6.611.677.400</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.981.871.582)	(1.614.810.500)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		70.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(19.500.000.000)	(34.188.887.796)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.190.000.000	15.458.887.796
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(173.000.000.000)	(39.200.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		183.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lợi nhuận được chia		9.869.271.326	41.257.198.781
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>647.399.744</b>	<b>(18.287.611.719)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		939.724.781.124	830.904.820.722
34	Tiền trả nợ gốc vay		(870.194.665.798)	(837.881.689.039)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(420.384.000)	(373.206.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(59.951.940.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		69.109.731.326	(67.302.014.317)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50.657.635.357	(78.977.948.636)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		64.739.222.378	143.736.621.040
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		12.086.033	(19.450.026)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	115.408.943.768	64.739.222.378

Nguyễn Hoàng Huê  
Người lập

Nguyễn Thị Thoa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Minh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Miza (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 được cấp ngày 19 tháng 12 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh giấy sóng (Medium), giấy mặt (Testliner), bột giấy, giấy và bìa và các hoạt động khác được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 116 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 122 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1 công ty con) như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty TNHH MIZA Nghi Sơn	100%	100%	Khu công nghiệp số 05 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Sản xuất giấy sóng, giấy mặt, giấy mặt chất lượng cao, bột giấy tái chế.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 26 tháng 4 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác trên bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 43 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Tài sản cố định khác	5 - 15 năm

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu từ bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý dựa theo thị trường bán hàng của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên thị trường tiêu thụ các sản phẩm của công ty bao gồm thị trường trong nước và thị trường nước ngoài.

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

**4.1 Thoái vốn trong Công ty TNHH Blueline ("Công ty Blueline") và Công ty TNHH Depak ("Công ty Depak") – các công ty liên kết**

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 49% cổ phần của Công ty trong Công ty Blueline cho một số cá nhân với tổng giá trị chuyển nhượng là 147.000.000.000 VND. Sau giao dịch này, Công ty không còn sở hữu vốn góp tại Công ty Blueline.

Ngoài ra, trong năm 2023, Công ty cũng đã hoàn tất việc chuyển nhượng 28,8% cổ phần của Công ty trong Công ty Depak cho cá nhân, với tổng giá trị chuyển nhượng là 36.000.000.000 VND. Sau giao dịch này, Công ty không còn sở hữu vốn góp tại Công ty Depak.

**4.2 Tăng vốn tại Công ty TNHH MIZA Nghi Sơn - công ty con hiện hữu**

Trong năm, Công ty đã tăng vốn góp với tổng số tiền là 173.000.000.000 VND vào Công ty TNHH MIZA Nghi Sơn. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con này giữ nguyên là 100%.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	710.895.363	714.061.903
Tiền gửi ngân hàng	6.998.048.405	29.990.881.023
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>107.700.000.000</u>	<u>34.034.279.452</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>115.408.943.768</u></b>	<b><u>64.739.222.378</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 2,2 - 3%/năm (31 tháng 12 năm 2022: 6%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 12,7 tỷ VND đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay như trình bày tại Thuyết minh số 19.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,75% đến 5,75%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 4,8 – 7,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như trình bày trong Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Đầu tư Linh Giang	37.717.127.176	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Và Dịch vụ Gia Lộc	27.556.384.875	19.658.451.758
Công ty TNHH Box-Pak (Hà Nội)	16.937.647.668	19.360.150.848
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Giấy Bắc Kỳ	8.872.908.360	23.649.576.326
Công ty Cổ phần Phát triển Xuất Nhập Khẩu Nam Á	5.190.259.078	36.007.865.891
Các khoản phải thu khách hàng khác	<u>74.546.769.052</u>	<u>82.839.266.835</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>170.821.096.209</u></b>	<b><u>181.515.311.658</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số khoản phải thu đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 19.

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Redstar Steel	5.806.080.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tâm Anh	5.140.800.000	-
Công ty TNHH Phú Tâm An Việt Nam	4.644.000.000	-
Công ty TNHH Thép VNS Hà Nội	2.434.671.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	<u>1.010.901.810</u>	<u>623.239.850</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.036.452.810</u></b>	<b><u>623.239.850</u></b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu lãi tiền gửi	555.386.438	590.300.024
Tạm ứng cho nhân viên	482.405.065	1.161.115.277
Phải thu ngắn hạn khác	231.738.911	480.919.664
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	<u>40.000.000.000</u>	<u>7.800.130.511</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.269.530.414</u></b>	<b><u>10.032.465.476</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng (*)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên vật liệu	85.333.075.517	-	98.364.229.074	-
Công cụ, dụng cụ	14.457.377.155	-	14.763.635.328	-
Thành phẩm	58.521.482.492	-	79.376.087.777	-
Hàng hóa	-	-	2.741.555.549	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>158.311.935.164</b>	<b>-</b>	<b>195.245.507.728</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị hàng tồn kho giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		2.000.000.000
Số cuối năm		2.000.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>		
Số đầu năm		1.280.555.566
- Khấu hao trong năm		517.346.778
Số cuối năm		1.797.902.344
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		719.444.434
Số cuối năm		202.097.656

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng hệ thống phần mềm	1.400.064.000	1.278.564.000
Xây dựng cơ bản khác	1.946.721.835	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.346.785.835</b>	<b>1.278.564.000</b>

## Công ty Cổ phần Miza

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>							
Số đầu năm	90.034.401.107	286.630.844.144	27.552.600.840	1.186.927.290	3.852.242.074	409.257.015.455	
- Mua trong năm	-	2.166.500.000	435.185.185	100.050.000	-	2.701.735.185	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	86.000.000	1.539.321.582	-	-	1.625.321.582	
- Thanh lý	-	-	(558.915.000)	-	-	(558.915.000)	
Số cuối năm	90.034.401.107	288.883.344.144	28.968.192.607	1.286.977.290	3.852.242.074	413.025.157.222	
<b>Trong đó:</b>							
Đã khấu hao hết	2.479.667.793	9.209.825.332	1.484.060.430	479.833.290	737.820.064	14.391.206.909	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>							
Số đầu năm	28.514.073.761	121.581.443.449	16.032.635.655	697.875.456	1.735.667.009	168.561.695.330	
- Hao mòn trong năm	5.303.841.404	21.454.090.843	3.519.587.599	150.834.346	241.098.335	30.669.452.527	
- Thanh lý	-	-	(558.915.000)	-	-	(558.915.000)	
Số cuối năm	33.817.915.165	143.035.534.292	18.993.308.254	848.709.802	1.976.765.344	198.672.232.857	
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Số đầu năm	61.520.327.346	165.049.400.695	11.519.965.185	489.051.834	2.116.575.065	240.695.320.125	
Số cuối năm	56.216.485.942	145.847.809.852	9.974.884.353	438.267.488	1.875.476.730	214.352.924.365	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số tài sản cố định của Công ty được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.



## Công ty Cổ phần Miza

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	862.000.000.000	-	862.000.000.000	689.000.000.000	-	689.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	-	-	-	183.000.000.000	-	183.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>862.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>862.000.000.000</b>	<b>872.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>872.000.000.000</b>

#### 13.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu (%)	
Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	100	862.000.000.000	-	100	689.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>862.000.000.000</b>	<b>-</b>		<b>689.000.000.000</b>

#### 13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty TNHH Blue Line (i)	Số 101/A12 Tổ 46, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	-	-	49	49
Công ty TNHH Depak (i)	Tổ 9, khu 3, Phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất sản phẩm từ plastic	-	-	28,8	28,8
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>147.000.000.000</b>	<b>147.000.000.000</b>
					<b>183.000.000.000</b>	<b>183.000.000.000</b>

(i) Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục thoái vốn tại các công ty này như trình bày trong Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.986.966.897	1.673.010.149
Chi phí mua bảo hiểm	472.951.639	362.643.926
Chi phí trả trước khác	613.762.119	595.613.026
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.073.680.655</u></b>	<b><u>2.631.267.101</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	32.276.648.976	33.173.222.568
Công cụ, dụng cụ	2.662.963.025	3.977.078.041
Sửa chữa và bảo dưỡng	911.937.608	249.684.895
Chi phí trả trước khác	818.593.758	973.252.216
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.670.143.367</u></b>	<b><u>38.373.237.720</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Giấy Trọng Đạt	2.939.263.200	2.939.263.200	443.378.240	443.378.240
Công ty TNHH Phú Tâm An Việt Nam	-	-	14.530.392.880	14.530.392.880
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Đại Lâm	-	-	8.347.662.144	8.347.662.144
Công ty Cổ phần Giấy Hợp Thành	-	-	8.167.734.792	8.167.734.792
Phải trả cho người bán khác	27.790.253.115	27.790.253.115	28.399.979.450	28.399.979.450
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>30.729.516.315</u></b>	<b><u>30.729.516.315</u></b>	<b><u>59.889.147.506</u></b>	<b><u>59.889.147.506</u></b>
<b>Dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Phan Anh	17.547.726.351	17.547.726.351	12.301.813.250	12.301.813.250
Công ty TNHH Năng lượng Trí Việt	11.305.878.155	11.305.878.155	9.864.950.541	9.864.950.541
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Lâm Anh	6.149.777.040	6.149.777.040	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Gia Lộc	-	-	28.282.636.635	28.282.636.635
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nguyễn Gia	-	-	10.133.037.360	10.133.037.360
Phải trả cho người bán khác	12.342.550.120	12.342.550.120	12.329.633.750	12.329.633.750
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.345.931.666</u></b>	<b><u>47.345.931.666</u></b>	<b><u>72.912.071.536</u></b>	<b><u>72.912.071.536</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	5.162.162.322	(1.933.625.568)	3.228.536.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp	974.529.868	950.195.713	(1.533.215.265)	391.510.316
Thuế thu nhập cá nhân	2.589.778.931	186.615.665	(2.752.453.929)	23.940.667
Thuế khác	493.242.444	589.051.180	(1.069.443.064)	12.850.560
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.057.551.243</b>	<b>6.888.024.880</b>	<b>(7.288.737.826)</b>	<b>3.656.838.297</b>
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã cần trừ trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.365.125.503	-	(3.365.125.503)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.365.125.503</b>	<b>-</b>	<b>(3.365.125.503)</b>	<b>-</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.533.560.290	975.010.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.165.300.780	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.698.861.070</b>	<b>975.010.844</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả LC UPAS	10.238.988.898	33.783.960.848
Các khoản phải trả khác	123.028.242	489.902.799
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.362.017.140</b>	<b>34.273.863.647</b>

## Công ty Cổ phần Miza

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm						Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị			
	Giá trị				Giá trị							
<b>Vay ngắn hạn</b>												
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	353.108.101.910	353.108.101.910	939.724.781.124	(853.218.554.938)	439.614.328.096	439.614.328.096					439.614.328.096	
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	9.131.999.992	9.131.999.992	9.070.416.689	(9.131.999.992)	9.070.416.689	9.070.416.689					9.070.416.689	
Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (Thuyết minh số 19.3)	7.844.110.868	7.844.110.868	7.844.110.868	(7.844.110.868)	7.844.110.868	7.844.110.868					7.844.110.868	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.4)	420.384.000	420.384.000	210.190.000	(420.384.000)	210.190.000	210.190.000					210.190.000	
	<b>370.504.596.770</b>	<b>370.504.596.770</b>	<b>956.849.498.681</b>	<b>(870.615.049.798)</b>	<b>456.739.045.653</b>	<b>456.739.045.653</b>					<b>456.739.045.653</b>	
<b>Vay dài hạn</b>												
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	16.455.517.987	16.455.517.987	-	(9.070.416.689)	7.385.101.298	7.385.101.298					7.385.101.298	
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 19.3)	39.122.811.731	39.122.811.731	-	(7.844.110.868)	31.278.700.863	31.278.700.863					31.278.700.863	
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 19.4)	210.190.000	210.190.000	-	(210.190.000)	-	-					-	
	<b>55.788.519.718</b>	<b>55.788.519.718</b>	<b>-</b>	<b>(17.124.717.557)</b>	<b>38.663.802.161</b>	<b>38.663.802.161</b>					<b>38.663.802.161</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>426.293.116.488</b>	<b>426.293.116.488</b>	<b>956.849.498.681</b>	<b>(887.739.767.355)</b>	<b>495.402.847.814</b>	<b>495.402.847.814</b>					<b>495.402.847.814</b>	

## Công ty Cổ phần Miza

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội	118.395.302.373	Gốc vay được trả từ tháng 1 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024; lãi được trả hàng tháng	6,5 – 9,5	Các khoản phải thu; một số tài sản là máy móc, thiết bị của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh	48.391.315.287	Gốc vay được trả từ tháng 3 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024; lãi được trả hàng tháng	6,5	Quyền sử dụng đất; Sổ tiết kiệm; Căn hộ của một số cá nhân và Khoản phải thu; Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội	27.900.477.208	Gốc vay được trả từ tháng 1 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024; lãi được trả hàng tháng	7,5 – 7,8	Quyền sử dụng đất, Tài sản của một số cá nhân và Các khoản phải thu, Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Đống Đa	126.314.331.705	Gốc vay được trả từ tháng 1 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024; lãi được trả hàng tháng	6,5 - 7,8	Tài sản cố định; Tiền gửi có kỳ hạn và quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tuấn Minh và bà Hoàng Thị Thu Giang
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.385.169.778	Gốc vay được trả từ tháng 4 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024; lãi được trả hàng tháng	7,5	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	104.227.731.745	Gốc vay được trả từ tháng 1 năm 2024 đến tháng 5 năm 2024; lãi được trả hàng tháng	6,07 - 7,07	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn Bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Tuấn Minh – Chủ tịch HĐQT

#### TỔNG CỘNG

**439.614.328.096**

## Công ty Cổ phần Miza

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội	15.038.601.290	Gốc vay trả hàng quý đến quý 4 năm 2025; lãi được trả hàng tháng	10,4	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	1.416.916.697	Gốc vay trả hàng tháng đến tháng 12 năm 2025; lãi được trả hàng tháng	11,22 - 12,87	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.455.517.987</u></b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	9.070.416.689			
Vay dài hạn	7.385.101.298			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.3 Vay dài hạn đối tượng khác**

<i>Đối tượng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	38.734.240.335	Gốc vay được trả hàng quý đến quý 4 năm 2028, lãi được trả hàng tháng	4,2	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản của bên thứ ba theo các hợp đồng thế chấp tài sản
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	388.571.396	Gốc vay được trả hàng tháng đến tháng 12 năm 2027, lãi được trả hàng tháng	12,19	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.122.811.731</u></b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>7.844.110.868</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>31.278.700.863</i>			

**19.4 Nợ thuê tài chính**

Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính này được trình bày như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>
<b><i>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</i></b>						
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	215.006.808	4.816.808	210.190.000	472.902.967	52.518.967	420.384.000
<b><i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i></b>						
<i>Trên 1-5 năm</i>	-	-	-	217.560.997	7.370.997	210.190.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>215.006.808</u></b>	<b><u>4.816.808</u></b>	<b><u>210.190.000</u></b>	<b><u>690.463.964</u></b>	<b><u>59.889.964</u></b>	<b><u>630.574.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>				
Số đầu năm	999.199.000.000	32.500.000.000	11.751.809.489	1.043.450.809.489
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	49.849.939.163	49.849.939.163
- Chia cổ tức	-	-	(59.951.940.000)	(59.951.940.000)
Số cuối năm	<u>999.199.000.000</u>	<u>32.500.000.000</u>	<u>1.649.808.652</u>	<u>1.033.348.808.652</u>
<b>Năm nay:</b>				
Số đầu năm	999.199.000.000	32.500.000.000	1.649.808.652	1.033.348.808.652
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.314.270.568	40.314.270.568
Số cuối năm	<u>999.199.000.000</u>	<u>32.500.000.000</u>	<u>41.964.079.220</u>	<u>1.073.663.079.220</u>

**20.2 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

**Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm**

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Cổ tức trả bằng tiền (năm 2022: VND 600/cổ  
phiếu)

Năm nay Năm trước

- 51.551.940.000

Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi

Cổ tức trả bằng tiền (năm 2022: VND 600/cổ  
phiếu)

- 8.400.000.000

**20.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm (Số lượng)	Số đầu năm (Số lượng)
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>99.919.900</b>	<b>99.919.900</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>99.919.900</b>	<b>99.919.900</b>
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	99.919.900	99.919.900
Cổ phiếu phổ thông	99.919.900	85.919.900
Cổ phiếu ưu đãi (*)	-	14.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>99.919.900</b>	<b>99.919.900</b>
Cổ phiếu phổ thông	99.919.900	85.919.900
Cổ phiếu ưu đãi (*)	-	14.000.000

(\*) loại được phân loại là vốn chủ sở hữu

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2022: 10.000 đồng/cổ phiếu).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	999.199.000.000	999.199.000.000
Số cuối năm	999.199.000.000	999.199.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	<b>(59.951.940.000)</b>

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>974.881.374.105</b>	<b>912.692.068.925</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	478.228.524.900	493.284.653.781
Doanh thu bán hàng hóa	496.652.849.205	419.407.415.144
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(410.408.460)</b>	<b>(193.521.800)</b>
Hàng bán bị trả lại	(365.846.700)	(193.521.800)
Giảm giá hàng bán	(44.561.760)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>974.470.965.645</b>	<b>912.498.547.125</b>

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.034.227.229	1.572.498.805
Lãi chênh lệch tỷ giá	235.446.921	79.957.082
Lợi nhuận được chia	40.000.000.000	48.200.130.511
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.269.674.150</b>	<b>49.852.586.398</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn thành phẩm đã bán	420.574.491.469	446.054.420.905
Giá vốn hàng hóa đã bán	492.317.272.140	411.007.050.467
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>912.891.763.609</b>	<b>857.061.471.372</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	38.424.064.493	27.378.359.631
Lỗ chênh lệch tỷ giá	101.798.972	324.665.203
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.525.863.465</b>	<b>27.703.024.834</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân công	1.626.866.983	2.100.399.157
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	555.826.500	561.586.884
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.713.198.874	6.752.300.337
- Chi phí bằng tiền khác	4.557.576	14.468.687
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.900.449.933</b>	<b>9.428.755.065</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân công	6.265.211.806	6.577.290.773
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.232.200.729	1.949.277.533
- Chi phí thuế, lệ phí	224.160.105	138.771.211
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.645.802.859	5.761.420.467
- Chi phí bằng tiền khác	1.457.558.406	1.018.500.014
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.824.933.905</b>	<b>15.445.259.998</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	263.054.455.506	333.088.501.215
Chi phí nhân công	23.068.227.336	23.253.052.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và tiền thuê đất phân bổ	32.083.372.897	32.722.542.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.408.210.366	98.201.076.888
Chi phí khác bằng tiền	1.831.003.917	2.500.868.415
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>423.445.270.022</b>	<b>489.766.041.092</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty trong năm hiện tại là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	518.959.281	1.072.551.036
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	431.236.432	1.101.978.832
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>950.195.713</b>	<b>2.174.529.868</b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.264.466.281	52.024.469.031
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	8.252.893.256	10.404.893.806
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	431.236.432	1.101.978.832
Thu nhập từ lợi nhuận không chịu thuế	(8.000.000.000)	(9.640.026.102)
Khác	266.066.025	307.683.332
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>950.195.713</b>	<b>2.174.529.868</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Công ty con
Công ty TNHH Blueline	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH Depak	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Công ty con	Lợi nhuận được chia	40.000.000.000	48.200.130.511
		Lợi nhuận đã thu	7.800.130.511	40.400.000.000
		Góp vốn	173.000.000.000	-
Công ty TNHH Blueline	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	Góp vốn	-	39.200.000.000
		Thoái vốn	147.000.000.000	-
Công ty TNHH Depak	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	Thoái vốn	36.000.000.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch HĐQT	Cổ tức được chia	-	15.559.919.280
Ông Đinh Tiến Ngự	Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 7 năm 2023	Cổ tức được chia	-	608.416.290
Bà Hoàng Thị Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc	Cổ tức được chia	-	2.587.867.830
Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên HĐQT	Cổ tức được chia	-	753.752.040
Ông Hoàng Tự Lập	Thành viên HĐQT	Cổ tức được chia	-	68.970.000
Ông Trần Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cổ tức được chia	-	323.760.000
Ông Vũ Đình Hải	Trưởng ban kiểm soát	Cổ tức được chia	-	92.326.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các giao dịch mua hàng đối với các bên liên quan được thực hiện theo cơ sở thỏa thuận hợp đồng. Số dư các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không phải trích lập bất cứ một khoản dự phòng phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>				
Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Công ty con	Lợi nhuận được chia	40.000.000.000	7.800.130.511
			<b><u>40.000.000.000</u></b>	<b><u>7.800.130.511</u></b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác:**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch HĐQT	577.730.973	581.179.676
Ông Đinh Tiến Ngự	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 7 năm 2023	521.541.835	529.958.397
Ông Hoàng Tự Lập	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
Ông Đinh Tấn Hưng	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
Bà Hoàng Thị Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc	390.513.138	373.569.112
Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 7 năm 2023	545.204.864	270.040.315
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 9 năm 2023	142.657.600	-
Ông Trần Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	455.000.000
Ông Vũ Anh Trà	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 31 tháng 1 năm 2023	277.874.346	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>2.515.522.756</u></b>	<b><u>2.209.747.500</u></b>

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát		259.116.703	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Năm nay	Năm trước
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	6.530,12	158.097,14

**29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận cần báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về vị trí địa lý của nhóm khách hàng mà Công ty cung cấp.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty.

Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra là các sản phẩm về giấy. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<b>Doanh thu thuần</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	934.704.398.783	39.766.566.862	974.470.965.645
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>934.704.398.783</b>	<b>39.766.566.862</b>	<b>974.470.965.645</b>
<b>Kết quả</b>			
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận			61.579.202.036
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)			(20.314.735.755)
Lợi nhuận thuần trước thuế			41.264.466.281
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(950.195.713)
Lợi nhuận thuần sau thuế			40.314.270.568
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tổng tài sản			1.666.093.590.243
Tài sản bộ phận	169.363.443.293	1.457.652.916	170.821.096.209
Tài sản không phân bổ (**)			1.495.272.494.034
Tổng nợ phải trả			592.430.511.023
Nợ phải trả bộ phận	19.111.860	381.833.669	400.945.529
Nợ phải trả không phân bổ (***)			592.029.565.494
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>			
Chi phí hình thành tài sản cố định			1.981.871.582
Khấu hao			31.186.799.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**Bộ phận theo khu vực địa lý** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ theo khu vực địa lý của Công ty như sau (tiếp theo):

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Đơn vị tính: VND		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	861.315.972.684	51.182.574.441	912.498.547.125
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>861.315.972.684</b>	<b>51.182.574.441</b>	<b>912.498.547.125</b>
<b>Kết quả</b>			
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận			55.437.075.753
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)			(3.412.606.722)
Lợi nhuận thuần trước thuế			52.024.469.031
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.174.529.868)
Lợi nhuận thuần sau thuế			49.849.939.163
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tổng tài sản			1.635.508.705.973
Tài sản bộ phận	177.723.996.289	3.791.315.369	181.515.311.658
Tài sản không phân bổ (**)			1.453.993.394.315
Tổng nợ phải trả			602.155.147.321
Nợ phải trả bộ phận	19.046.860	692.415.069	711.461.929
Nợ phải trả không phân bổ (***)			601.443.685.392
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>			
Chi phí hình thành tài sản cố định			1.614.810.500
Khấu hao và hao mòn			32.722.542.482

(\*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp sử dụng chung, thu nhập khác và chi phí khác.

(\*\*) Tài sản không phân bổ bao gồm toàn bộ tài sản của Công ty ngoại trừ khoản mục phải thu khách hàng.

(\*\*\*) Nợ phải trả không phân bổ bao gồm toàn bộ công nợ phải trả của Công ty ngoại trừ khoản mục người mua trả tiền trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Hoàng Huệ  
Người lập



Nguyễn Thị Thoa  
Kế toán trưởng



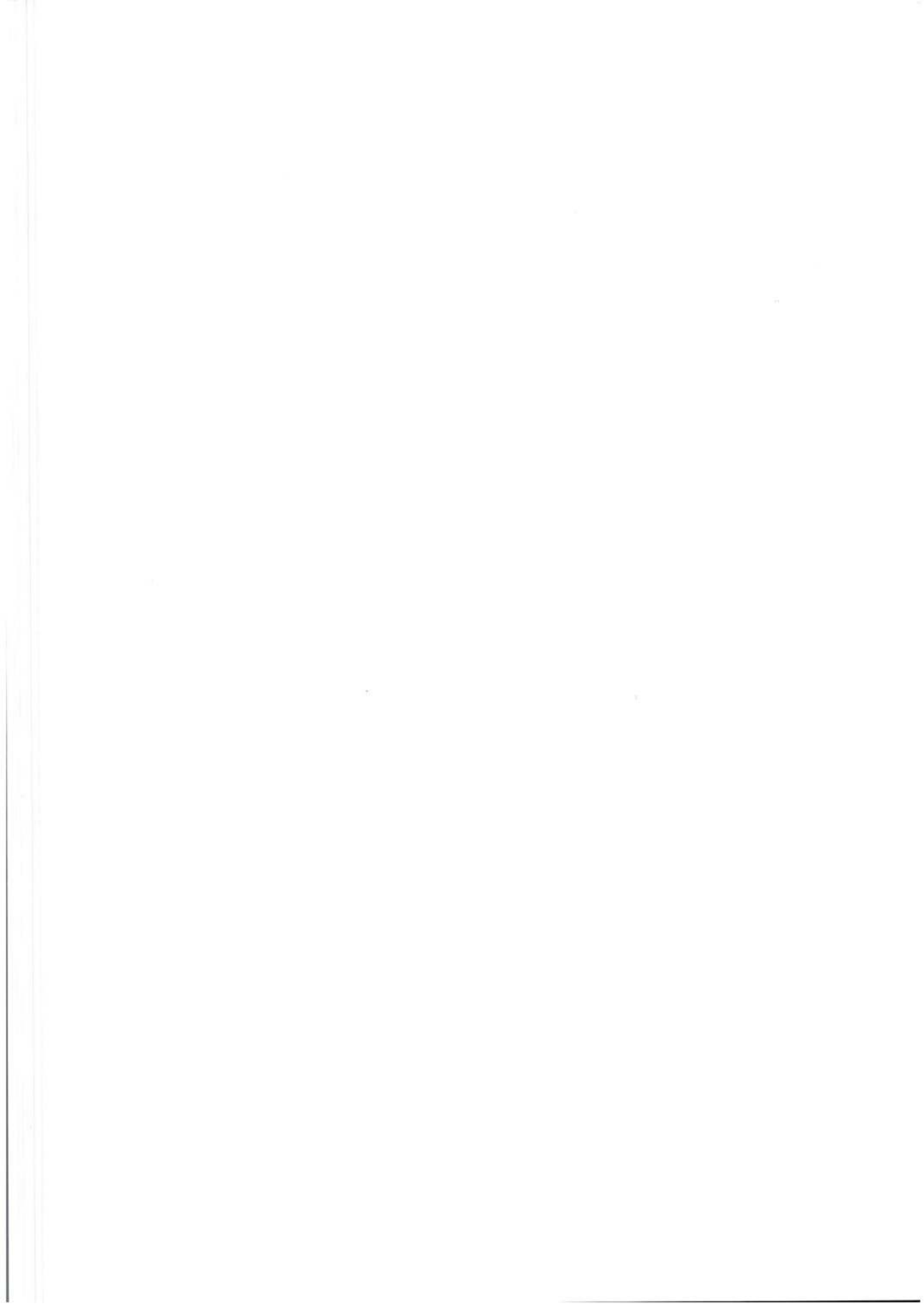
Nguyễn Tuấn Minh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2024







## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)